TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2019/HS-ST
Ngày: 28 - 8- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Ông Võ Hùng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 129/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Công L**, sinh năm 1984. Tại: C. Nơi ĐKHKTT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh C. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Cha Trần Văn N; Mẹ Trần Thị X (đã chết); Vợ Lâm Thị H; bị cáo có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt ngày 17/10/2018 và tạm giam cho đến nay (có mặt).

- *Bị hại:*

+ Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh S (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Mộng D, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh S (vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Công L và vợ chồng ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1985; bà Nguyễn Thị Mộng D, sinh năm 1987. Cùng địa chỉ ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh S quen biết nhau do

cùng làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Long H thuộc Khu Công nghiệp Kim H, địa chỉ tại khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh B.

Khoảng 20 giờ 10 phút ngày 15/10/2018, Trần Công L đi từ nhà trọ tại đường N, khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh B đến Công ty trách nhiệm hữu hạn Long H tìm gặp vợ chồng ông Đ, bà D để nói chuyện về việc em của bà D thiếu nợ tiền của L. Khi L đi đến quán cà phê B. Địa chỉ: khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh B thì gặp bạn là Ngô Quốc S, sinh năm 1990. Địa chỉ: xã N, huyện U, tỉnh C và Lê Văn K, sinh năm 1994. Địa chỉ: khu 1, phường P, thành phố T, tỉnh B đang ngồi uống cà phê nên L vào quán uống cà phê cùng K, S. Tại đây, L nói cho K và S biết việc em của bà D tên là Nguyễn Thanh T (hiện không xác định rõ nơi cư trú) mượn số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu) đồng của L nhưng không trả rồi bỏ trốn nên L muốn gặp vợ chồng bà D để yêu cầu vợ chồng bà D trả nợ thay cho em bà D. Lúc này, K, S kêu L ngồi chờ K, S đi gặp và kêu vợ chồng bà D đến nói chuyện với L. Khi K và S vừa đi khỏi quán cà phê B thì Phan Hoàng C, sinh năm 1988. Địa chỉ: khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B và L (không rõ họ tên, địa chỉ) là bạn quen biết với L, K, S đến quán cà phê B ngồi cùng với L. Khoảng 20 phút sau, K, S cùng ông Lê Thanh Đ điều khiển xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx chở bà Nguyễn Thị Mộng D đến quán cà phê B gặp L, C, L. Tại đây, L yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà D trả cho L số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) mà em bà D mượn của L nhưng vợ chồng ông Đ, bà D không đồng ý trả nợ thay. Lúc này, K dùng tay đánh bà D, còn C dùng tay đánh ông Đ nhằm uy hiếp và ép buộc vợ chồng ông Đ, bà D trả tiền cho L. Tiếp đó, K dùng ghế ngồi uống cà phê định đánh bà D nhưng ông Đ dùng tay đỡ ghế không cho K đánh bà D. Thấy có đánh nhau nên chủ quán cà phê B đến can ngăn và yêu cầu mọi người rời khỏi quán. Lúc này, L và K, S, C, L yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà D đi về phòng trọ của ông Đ, bà D nói chuyện thì vợ chồng ông Đ, bà D đồng ý đi cùng với nhóm của L.

Sau khi về đến phòng trọ của ông Đ, bà D tại số 38 đường 88, khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh B thì K tiếp tục dùng tay đánh bà D làm bà D bị thương tích ở vùng mũi và nhóm của L yêu cầu ông Đ, bà D đi đến bàn ghế đá phía trước khu nhà trọ nói chuyện. Tại đây, L đi đến tiệm tạp hóa trước khu nhà trọ mua 01 cuốn tập và 01 cây viết với mục đích đưa cho bà D viết giấy nhận nợ tiền thay cho em của bà D. Bà D không đồng ý viết giấy nhận nợ thì bị L và K đe dọa sẽ tiếp tục đánh ông Đ, bà D. Do lo sợ bà D bị nhóm của L đánh nên ông Đ đồng ý viết giấy nhận nợ L số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) và thế chấp cho L chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx của ông Đ theo yêu cầu của L, K, C. Sau khi lấy giấy nhận nợ do ông Đ viết và xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx thì nhóm của L đi về và L đem xe mô tô trên đến phòng trọ của L cất giấu.

Sau đó, ông Đ, bà D đến Công an phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một trình báo sự việc bị nhóm của L đe dọa sẽ dùng vũ lực để chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx. Qua xác minh, ngày 16/10/2018 Công an phường Phú Tân yêu cầu Trần Công L đến làm việc thì L khai nhận toàn bộ hành vi cùng đồng bọn chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx của vợ chồng ông Đ, bà D nên Công an phường Phú Tân thu giữ: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx; 01 (một) tờ giấy thế chấp do Lê Thanh Đ viết thể hiện nội dung mượn số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) và thế chấp xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx cho Trần Công L (Văn bản này được lưu

trong hồ sơ vụ án) và chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 17/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Công L. Ngày 22/10/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một có Bản kết luận định giá tài sản số 354/KLTS-TTHS kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx trị giá 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Quá trình điều tra xác định:

Đối với xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx do ông Lê Thanh Đ đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Ngày 26/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông Lê Thanh Đ theo Quyết định xử lý vật chứng số 66 ngày 26/10/2018. Hiện tại, ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Mộng D không có yêu cầu gì và có đơn xin bãi nại đối với Trần Công L.

Đối với Phan Hoàng C, Lê Văn K, sau khi thực hiện hành vi đánh và đe dọa ông Đ, bà D giúp L chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx thì C và K đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú và không xác định được đang ở đâu. Ngày 07/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với C và K. Ngày 10/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra và ra Quyết định truy nã đối với C, K. Khi nào bắt được C và K, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một sẽ xử lý sau.

Đối với Ngô Quốc S, sau khi cùng K đi gặp và kêu vợ chồng anh Đ, chị D đến nói chuyện với L thì S không có hành vi đánh và đe dọa ông Đ, bà D để L chiếm đoạt xe mô tô của ông Đ, bà D (theo lời khai của L và ông Đ, bà D). Hiện tại, S đã đi khỏi nơi cư trú và không xác định được đang ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một chưa làm việc được với Sử nên chưa đủ căn cứ chứng minh hành vi đồng phạm của S với Trần Công L. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với người nam tên L, do không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Cáo trạng số 145/CT-VKS-HS ngày 05/7/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Công L về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Công L đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Công L mức hình phạt từ 15 đến 18 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Bị cáo Trần Công L không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Công L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Do ông Nguyễn Thanh T (em ruột của bà Nguyễn Thị Mộng D) có vay của Trần Công L số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) và đã bỏ trốn khỏi địa phương nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 15/10/2018 Trần Công L cùng Phan Hoàng C, Lê Văn K đã có hành vi đánh, đe dọa, dùng vũ lực nhằm uy hiếp tinh thần ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Mộng D để ép buộc ông Đ, bà D viết giấy nhận nợ L số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) và chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 83E1 – 082.xx trị giá 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) của ông Đ, bà D nên hành vi mà bị cáo Trần Công L cùng đồng bọn thực hiện đã hội đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" được qui định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo còn trẻ, có sức khỏe và nghề nghiệp ổn định, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong việc vay mượn tiền với em của bị hại, bị cáo lại dùng vũ lực, ép buộc bị hại viết giấy nợ, chiếm đoạt tài sản của bị hại nhằm để bảo vệ lợi ích cho cá nhân bị cáo. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm để trừng trị, giáo dục bị cáo, đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, tài sản đã được thu hồi và giao trả cho bị hại, bị cáo xuất thân từ gia đình có truyền thống cách mạng có ông bà Nội, cha bị cáo là những người tham gia kháng chiến được tặng thưởng nhiều huân huy chương. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Đối chiếu với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ vào nhân thân bị cáo, xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 136, 260 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Trần Công L phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

1./ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Công L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/10/2018.

2./ Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3./ Về án phí: Buộc bị cáo Trần Công L phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV27);
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Tâm